

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2017/HC-PT
Ngày 27 tháng 7 năm 2017
V/v khiếu kiện: Yêu cầu hủy
Giấy chứng nhận quyền sở hữu
nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phán: Ông Phạm Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: - Ông Bùi Huy Tiến

- Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 24/2016/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc "*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 29/2016/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24E/2017/QĐPT-HC ngày 06/7/2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1941.

Địa chỉ: Thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Bà L có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ trụ sở: đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Đinh Văn T** - Chức vụ: Chủ tịch.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Huỳnh Khánh T** - Chức vụ: Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Nam. Ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông **Trần Thanh H** - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; Ông H có mặt.

Và ông **Nguyễn Thế H** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H; Ông H có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm: 1940.

Ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị KC**, sinh năm 1970. Bà Chi có mặt.

Cùng địa chỉ: đường H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3.2. Chi tộc III Nguyễn C.

Địa chỉ: đường H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1935

Địa chỉ: đường H, phường H, quận H, TP. Đà Nẵng; Ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn trình bày và lời trình bày của người khởi kiện như sau:*

Cha mẹ bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn P và bà Phạm Thị Đ khi còn sống có tạo lập được ngôi nhà nằm trên diện tích đất 650,6m² tại số 85/24, đường H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Năm 1969, ông P chết, bà Đ tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 1997, bà Đ và các con lập giấy tặng cho dòng tộc Nguyễn C 70m² đất trong thửa đất nêu trên để xây nhà thờ tộc. Năm 1999, bà Đ đứng tên kê khai thửa đất theo Nghị định 60/CP (thửa đất có số thửa 27, tờ bản đồ số 32, diện tích 650,6m²). Năm 2000, bà Đ mất không để lại di chúc. Đến ngày 05/4/2000, bà Đỗ Thị T (vợ của ông Nguyễn Văn X đã chết năm 1989, là chị dâu của bà L) đã tự tạo ra một Biên bản họp gia đình trong đó có nội dung là các chị em bà L (gồm bà Nguyễn Thị C đã chết, bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L) đồng ý giao ngôi nhà tại đường H, phường C cho bà T được toàn quyền sử dụng. Chị em bà L hoàn toàn không biết và không hề ký vào Biên bản họp gia đình này. Tháng 8/2000, bà T tiếp tục kê khai đăng ký sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303030628 ngày 19/11/2003 cho bà Đỗ Thị T và chồng là Nguyễn Văn X (đã chết). Bà L đã khiếu nại từ nhiều năm nay, đến ngày 17/4/2012 UBND tỉnh Quảng Nam ban

hành Thông báo 118/TB-UBND với nội dung không Xem xét đơn khiếu nại của bà vì thời hiệu khiếu nại đã hết; thừa nhận sai sót đã cấp luôn 70m² đất nhà thờ tộc Nguyễn C vào Giấy chứng nhận của bà T và điều chỉnh diện tích nhà thờ ra khỏi bì đồ bà T. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSHN và QSDĐ) cho bà T của UBND tỉnh Quảng Nam là trái pháp luật và giải quyết khiếu nại tại Thông báo 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 là không chính xác, không khách quan, làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSHN và QSDĐ số 0303030628 ngày 19/11/2003 UBND tỉnh Quảng Nam đã cấp cho bà Đỗ Thị T tại đường H, phường C, thành phố H, và hủy một phần Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cho rằng đơn khiếu nại của bà L đã hết thời hiệu khiếu nại.

** Theo Báo cáo số 36/BC-STNMT ngày 19/01/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và lời trình bày của ông Huỳnh Khánh Toàn - đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thống nhất như sau:*

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận của hộ bà T được UBND phường C tổ chức đo đạc, xác lập ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 30/12/1999, Biên bản được Chủ tịch UBND phường C, cán bộ đo đạc, cán bộ địa phương, ký xác nhận. Các hộ lân cận đã ký xác nhận phần ranh giới tiếp giáp. Hồ sơ xin cấp giấy thể hiện việc xác nhận của ba nhân chứng, trong đó có ông Nguyễn Văn L là em chồng bà T (con bà Đ) ở liền kề bên cùng xác nhận nguồn gốc nhà ở, đất ở là của gia đình bà T tự tạo lập năm 1976. UBND tỉnh Quảng Nam cấp GCNQSHN và QSDĐ cho bà T từ năm 2003 đến năm 2008 bà L không có khiếu nại. Ngày 03/01/2009, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H có niêm yết công khai và thông báo về nguồn gốc thửa đất bà T đang sử dụng trên Đài truyền thanh của phường C nhưng bà L, ông L không có khiếu nại. Bà T xây dựng kiên cố xong 2 ngôi nhà 2 tầng, xây kiên cố sát cạnh bên nhà ông L nhưng bà L, ông L vẫn không có khiếu nại. Việc bà L cho rằng không biết UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận cho bà T là không đúng. Theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo thì việc khiếu nại của bà L đối với Giấy chứng nhận đã cấp cho bà T đã hết thời hiệu.

UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận cho bà T trên đó có diện tích đất ngôi nhà thờ phái 2, tộc Nguyễn C là không đúng hiện trạng và quá trình sử dụng đất của bà T. Nội dung này UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND thành phố H thực hiện tại Thông báo kết luận số 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 là đúng theo

trình tự giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật. Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Nam không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

** Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 03/6/2016, Bản trình bày ý kiến và lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc A - Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Đỗ Thị T) như sau:*

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp do vợ chồng bà T dành dụm tiền và ông Nguyễn Văn X – chồng bà T, đi lính lãnh lương mua vào năm 1964. Khi vợ chồng bà T mua diện tích đất tranh chấp này thì bà L đã đi lấy chồng, không ở chung với gia đình. Bà T và ông X sau khi mua đã thực hiện đổ đất san lấp mặt bằng và xây nhà ở, lúc đó ông P, bà Đ đã già yếu. Bà T thực hiện đúng các trình tự thủ tục về kê khai đăng ký, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bà T đã thực hiện đăng ký kê khai theo Nghị định 64/CP và được UBND tỉnh Quảng Nam cấp GCNQSHN và QSDĐ ngày 19/11/2003 tại thửa 27, tờ bản đồ số 32, diện tích 650,6m². Khi bà T lập tờ khai đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất và làm đơn xin cải tạo, sửa chữa nhà ở, mặc dù đã thông báo và niêm yết công khai tại UBND phường C (trong đó có tên của bà L ông L) nhưng bà L không có khiếu nại gì. Bà T thống nhất với nội dung Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam, còn mọi khiếu nại và yêu cầu của bà L bà không chấp nhận.

** Theo văn bản trình bày ý kiến của ông Nguyễn Minh T - Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chi tộc III Nguyễn C) như sau:*

Chi tộc III Nguyễn C được bà Đ và các con của bà đồng ý hiến đất diện tích khoảng 70m² để xây dựng nhà thờ. Nhà thờ khởi công năm 1997 và lễ khánh thành năm 1998. Việc hiến đất cho Chi tộc xây nhà thờ của bà Đ và các con là đúng sự thật. Về việc khởi kiện của bà L, thay mặt Chi tộc tôi mong muốn các bên công nhận sự thật trên tinh thần đoàn kết hòa hợp gia tộc để giải quyết.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 29/2016/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 31 Luật khiếu nại tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005 và Điều 2, Điều 23, Điều 33, Điều 57, Điều 73 Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303030628 ngày 19/11/2003 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Quảng Nam đã cấp cho bà Đỗ Thị T - ông Nguyễn Văn S, tại tổ 5 khối 2 phường C, thị xã H (nay là thành phố H) và yêu cầu hủy phần không giải quyết khiếu nại tại Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam của bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và công bố quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 26/9/2016, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người khởi kiện, người bị kiện trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng, các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã nhiều lần hoãn phiên tòa phúc thẩm vào các ngày 07/12/2016; 04/01/2017; 02/03/2017; 05/4/2017 và ngày 06/7/2017 với lý do vắng mặt những người tham gia tố tụng và các đương sự xin hoãn phiên tòa để thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án.

[2] Theo đơn kháng cáo, bà Nguyễn Thị L cho rằng: Nguồn gốc ngôi nhà và đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại đường H, thành phố H là của ông Nguyễn P và bà Phạm Thị Đ đã chết để lại. Bản án sơ thẩm dựa vào Biên bản họp gia đình ngày 05/4/2000 (BL312, 313) của các anh chị em thống nhất cho bà Đỗ Thị T đăng ký QSHN & QSĐĐ, trong khi bà L và các anh chị em của bà không tham gia cuộc họp, không ký vào biên bản nêu trên do vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản này là không đúng. Bản án sơ thẩm xác định các nhân chứng khai: Ông P, bà Đ không làm ra tiền, ông Nguyễn Văn X (tức ông Nguyễn Văn S, chồng bà T) đi lính về có tiền, đưa cho ông P, bà Đ mua đất, xây nhà... nên công nhận tài sản là của ông X và bà T, xử bác yêu cầu hủy GCNQSHN và QSĐĐ số 0303030628 ngày 19/11/2003 UBND tỉnh Quảng Nam đã cấp cho bà Đỗ Thị T tại đường H, phường C, thành phố H, và hủy một phần Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam vì cho rằng đơn khiếu nại của bà L đã hết thời hiệu khiếu nại là không đúng quy định của pháp luật nên bà L kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên.

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Bà Nguyễn Thị L khởi kiện hủy GCNQSHN và QSĐĐ số 0303030628 ngày 19/11/2003 UBND tỉnh Quảng Nam đã cấp cho bà Đỗ Thị T tại đường H, phường C, thành phố H, và hủy một phần Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cho rằng đơn khiếu nại của bà L đã hết thời hiệu khiếu nại.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm lần 1: Số 01/2013/HCST ngày 14/01/2013 của TAND tỉnh Quảng Nam xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. (BL 122 đến 126).

- Tại bản án hành chính phúc thẩm số 26/2013/HCPT ngày 10/7/2013 của Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng sửa án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L. (BL 206 đến 209).

- Tại bản án giám đốc thẩm số 13/2015/HC-GĐT ngày 15/10/2015 của Hội đồng thẩm phán TANDTC xử hủy cả 2 bản án nêu trên, giao hồ sơ cho TAND tỉnh Quảng Nam xét xử lại. (BL 211 đến 215).

- Tại bản án hành chính sơ thẩm lần 2: Số 29/2016/HC-ST ngày 16/9/2016 của TAND tỉnh Quảng Nam xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L với lý do: Tại Biên bản họp gia đình ngày 05/4/2000 các con ông P, bà Đ đồng ý để bà Đỗ Thị T đăng ký, đứng tên QSHN và QSĐĐ; Căn cứ lời khai của các nhân chứng ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị A, ông Lê Việt L, bà Nguyễn Thị T, bà Phùng Thị M, bà Dương Thị C, ông Lê N, ông Hồ Công H xác định tiền mua đất do ông X đưa tiền cho ông P, bà Đ mua đất, còn nhà do vợ chồng ông X, bà T bỏ tiền xây nhà.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông P mất năm 1969. Ngày 18/6/1997, bà Đ và các con bà Đ, ông P có làm Tờ tặng cho 70m² đất thuộc thửa số 27, bản đồ số 32 tại đường H, thành phố H cho chi III tộc họ Nguyễn. Ngày 22/8/1997, bà Đ có đơn xin sửa chữa nhà ở. Ngày 16/12/1997, UBND Thị xã H cấp giấy phép số 567 cho bà Đ sửa chữa nhà. Theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất và theo Quyết định số 201/CP thì năm 1980, bà Đ đứng tên đăng ký QSĐĐ tại thửa đất nêu trên với diện tích 725 m² đất. Năm 2000, bà Đ mất không để lại di chúc. Tại Quyết định số 13/2015/HC-GĐT ngày 15/10/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định về tố tụng: Sau khi biết được UBND cấp GCN QSHN và QSĐĐ cho bà T, ông S thì bà L có khiếu nại, năm 2012 bà L khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 3 Nghị quyết 56/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội là còn thời hiệu khởi kiện. Về nội dung: Nhà và đất nêu trên có nguồn gốc là của cụ Nguyễn P và cụ Phạm Thị Đ thể hiện ở giấy phép sửa chữa nhà và hồ sơ đăng ký đất theo QĐ số 201/CP của Chính Phủ do

bà Phạm Thị Đ đăng ký, bà Đ là người sử dụng nhà và đất nêu trên từ 1960 cho đến lúc bà mất. Hồ sơ xin cấp GCN QSHN và QSDĐ của bà T, ông S không thể hiện có giấy tờ mua bán, thừa kế, tặng cho. Mặt khác, bà T có xuất trình biên bản họp gia đình ngày 05/4/2000, bà T cho rằng các anh, chị em (con của ông P, bà Đ) đồng ý ký tên vào giấy tờ trên để cho bà đăng ký QSHN và QSDĐ nhưng các con của ông P bà Đ như: Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn L thì cho rằng không có ký tên vào biên bản họp gia đình nêu trên. Theo Kết luận giám định số 1037/GĐ/PC-54 ngày 15/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam xác định bà Nguyễn Thị C không có ký vào biên bản cuộc họp nêu trên, còn bà C và bà L thì không có yêu cầu giám định.

Tổng hợp các chứng cứ trên có cơ sở xác định nhà – đất nêu trên là của cụ P, cụ Đ để lại, việc bà T, ông S kê khai, đăng ký và UBND tỉnh Quảng Nam cấp QSHN ở và QSDĐ cho cá nhân bà T, ông S là không đúng với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử cần phải chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, sửa án sơ thẩm, xử Hủy giấy chứng nhận QSHN, QSDĐ mà UBND tỉnh Quảng Nam đã cấp cho bà T, ông S và hủy Thông báo giải quyết trả lời đơn của UBND tỉnh Quảng Nam để UBND tỉnh Quảng Nam giải quyết lại theo quy định của pháp luật theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.
- Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị L, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 345; Điều 348; Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 3, Điều 23, Điều 33, Điều 57, Điều 73 Luật đất đai năm 1993, sửa đổi bổ sung năm 1998 và năm 2001.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L xử:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303030628 ngày 19/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã cấp cho

bà Đỗ Thị T - ông Nguyễn Văn S (chết) tại phường C, thị xã H (nay là thành phố H) và hủy Thông báo số 118/TB-UBND ngày 17/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí: Buộc người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L 200.000 đồng tiền án phí đã nộp theo biên lai thu số 000109 ngày 06/6/2012 và 200.000 đồng tiền dự phí kháng cáo phúc thẩm theo biên lai thu số 000432 ngày 03/10/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tấn Hoàng